TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Điệu;

2. Bà Phạm Thị Tuẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Th (nay là xã H), huyện Gi, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống

cùng gia đình anh Tr tại thôn T, xã Th (nay là xã H) huyện Gi; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Chị và hai bên gia đình tham gia góp ý nhiều song anh không thay đổi. Do mâu thuẫn, cuối năm 2019 chị về sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại thôn Đ, xã H; anh Tr bỏ đi nói là đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhưng không cho ai biết là làm gì, ở đâu. Kể từ cuối năm 2019 đến nay anh chị không quan tâm gì đến nhau, thỉnh thoảng anh có về nhưng chỉ thăm mẹ đẻ và các con. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Tr có 03 con là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 12/12/2010; Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/12/2010; Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/12/2019, hiện các con đang ở với chị. Chị đề nghị, Tòa án giao cả 03 con cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn Tr: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Tr đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại lời khai, bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh Tr trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa chị Th và anh Tr đúng như chị Th trình bày; bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Th theo quy định của pháp luật và giao các con cho chị Th nuôi dưỡng vì hiện nay anh Tr không có đủ điều kiện để nuôi con. Bà xác định anh Tr đã biết việc chị Th khởi kiện xin ly hôn, các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh Tr, bà đã thông báo đầy đủ cho anh Tr biết nhưng anh nói là do công việc bận nên anh không về.

Tại lời khai, ông Bùi Văn H là bố đẻ của chị Th trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa chị Th và anh Tr đúng như chị Th trình bày. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th, gia đình ông sẽ hỗ trợ chỗ ở và trông nom, chăm sóc các con giúp chị Th.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã H cung cấp: Về việc kết hôn, thời gian chung sống, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tr đúng như chị Th trình bày. Địa phương xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh

Tr đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn theo nguyện vọng của chị Th và giao cả 3 con cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên Tòa: Chị Th, anh Tr vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Tr; giao cả 3 con cho chị Th nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng cho con; chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Tr đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị Th đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Th (nay là xã H), huyện Gi nơi sinh sống của anh chị tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Th và anh Tr là hợp pháp.

[3] Do mâu thuẫn, từ cuối năm 2019 đến nay chị Th đã về ở cùng bố mẹ đẻ, hai người sống ly thân, không quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2019 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Th ly hôn anh Tr.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 12/12/2010; Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/12/2019, cả 03 con hiện đang ở với chị. Chị đề nghị, Tòa án giao cả 03 con cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng: do chơi bời dẫn đến nợ nhiều nên gia đình anh Tr đã phải bán nhà để trả nợ cho anh Tr, hiện mẹ đẻ anh Tr phải ở nhờ trên đất của bố mẹ chị Th, còn anh Tr đi đâu, làm gì anh không nói cho ai biết, thỉnh thoảng anh mới về thăm mẹ đẻ và các con song lại đi. Hiện chị Th làm công nhân có mức thu nhập ổn định từ 6 đến 8 triệu đồng/tháng và được bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ở và trông nom, chăm sóc các con; mẹ đẻ anh Tr cũng như chính quyền địa phương xã H đều đề nghị Tòa án giao các con cho chị Th nuôi dưỡng sau khi ly hôn; cháu M, cháu Tr đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả 03 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về quan hệ tài sản: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 12/12/2010; Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/12/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành); chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Th

không yêu cầu anh Nguyễn Văn Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004453, ngày 06 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th, anh Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã H, H.Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân